

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 02/11/2018

V/v tranh chấp chia tài sản chung
sau ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán: - Bà Huỳnh Thị Út Mẫn

- Ông Trần Bình Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Viên - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2018/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018, về việc tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 23/2018/HNGĐ-ST ngày 22/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 175/2018/QĐ-PT ngày 01 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Bình Đ, sinh năm 1982 (Có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H (Nguyễn Kim H), sinh năm 1987 (Có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1, sinh năm 1969 (Có mặt).

2. NLQ2, sinh năm 1970 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Anh Lê Bình Đ - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn anh Lê Bình Đ trình bày:* Anh và chị H có đăng ký kết hôn, anh chị có một người con chung. Trong quá trình chung sống anh chị có tạo dựng

được một căn nhà cấp 4, xây dựng năm 2011 với diện tích ngang 4.5m x dài 19m (chưa tính phần nhà sau) được xây dựng trên phần đất diện tích khoảng 24.000m² tại xã C, huyện P chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguồn gốc do cha mẹ vợ cho, vợ chồng tự khai khẩn thêm trên đất có trồng nhiều loại cây ăn trái, cây lấy gỗ... và một phần diện tích 16.500m² do nhận chuyển nhượng của chị Nguyễn Thị K theo hồ sơ giao khoán rừng Phòng hộ ven biển huyện AB và AM tỉnh Kiên Giang để nuôi trồng thủy sản, giữ rừng.

Năm 2016 do mâu thuẫn nên anh chị ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện P theo Quyết định số 163/2016 /QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2016; về con chung giao cho chị H nuôi dưỡng; về tài sản không yêu cầu xem xét giải quyết lý do anh chị tự thỏa thuận là chị H giao cho anh diện tích 6.000m² theo tờ thỏa thuận ngày 08/8/2016, còn lại 18.000m² của chị H, tuy nhiên chị H không thực hiện theo thỏa thuận này.

Nay anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết hủy bỏ tờ thỏa thuận chia đất ngày 08/8/2018 do anh và chị H lập, đối với hai quyền sử dụng đất và căn nhà cấp 4 anh yêu cầu chia đôi, anh lấy bằng hiện vật.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm anh Đ xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu chia diện tích đất 16.500m² theo hồ sơ giao khoán rừng Phòng hộ ven biển huyện AB và huyện M, tỉnh Kiên Giang tọa lạc tại ấp N, xã K, huyện M, tỉnh Kiên Giang và căn nhà cấp 4, tọa lạc tại xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang. Anh yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích 24.000m² (diện tích xem xét thẩm định tại chỗ 22.253,7m²) tại xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

** Bị đơn chị Nguyễn Kim H trình bày:* Chị thống nhất lời trình bày của anh Đ về hôn nhân, anh chị đã ly hôn là đúng. Trong quá trình chung sống anh chị có tạo dựng một số tài sản chung gồm:

- Một căn nhà cấp 4, xây dựng 2011 trên diện tích đất khoảng 12.000m² (đất do cha mẹ cho trước thời kỳ hôn nhân).

- Một diện tích đất 7.847m² do vợ chồng tự khai khẩn năm 2008 thuộc tiểu khu 80 Vùng lõi và Vùng đệm Vườn quốc gia PQ.

Ngoài ra, anh chị còn hùn tiền với anh Đoàn Văn B nhận chuyển nhượng 3,87ha (mỗi người 1/2) đất nuôi trồng thủy sản và giữ rừng tại ấp N, xã K, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

Chị H không đồng ý yêu cầu của anh Đ về chia tài sản chung là quyền sử dụng diện tích 22.253,7m² (diện tích qua thẩm định) tại xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang, vì phần diện tích 14.362,5m² là tài sản cha mẹ chị là NLQ1 và NLQ2 cho chị trước khi kết hôn nay trả lại, phần diện tích đất còn lại 7.891,1m² là tài sản chung, chị thống nhất mỗi người nhận 1/2 diện tích đất.

Đối với ý kiến của anh Đ về phần diện tích đất 16.500m² theo hồ sơ giao khoán rừng Phòng hộ ven biển huyện AB và huyện M, tỉnh Kiên Giang số 706/VKĐ-AM/HSGKR/AB-AM được giao cho anh Lê Bình Đ được toàn quyền

quản lý, sử dụng; Đối với căn nhà cấp 4, tọa lạc tại xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang có diện tích và đặc điểm kỹ thuật theo chứng thư định giá số Vc 18/01/03/CT-TVAP ngày 03/01/2018 của Công ty TNHH định giá TV giao cho chị H được toàn quyền quản lý, sử dụng, chi thống nhất, không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản này.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- NLQ1 và NLQ2 trình bày: Phần đất anh Đ yêu cầu chia tại xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang có phần đất vợ chồng ông bà cho con gái là chị H năm 2004, trước thời điểm chị H và anh Đ kết hôn. Sau khi về chung sống anh Đ và chị H khai khẩn thêm phần đất phía sau và bị kiểm lâm xử phạt. Nay ông bà yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất diện tích 14.406,7m² là của vợ chồng ông bà. Phần đất vợ chồng anh Đ, chị H khai khẩn và căn nhà cấp 4 xây dựng thì anh Đ, chị H tự giải quyết, ông bà không có ý kiến.

* Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 23/2018/HNGĐ-ST ngày 22/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Lê Bình Đ về chia diện tích 16.500m² theo hồ sơ giao khoán rừng Phòng hộ ven biển huyện AB và huyện M, tỉnh Kiên Giang tọa lạc tại ấp N, xã K, huyện M, tỉnh Kiên Giang và căn nhà cấp 4, tọa lạc tại xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang có diện tích, các cạnh theo chứng thư định giá số Vc 18/01/03/CT-TVAP ngày 03/01/2018 của Công ty TNHH định giá TV.

- Bác một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lê Bình Đ về chia tài sản chung với chị Nguyễn Kim H là quyền sử dụng đất diện tích 14.362,5m² và cây trồng trên đất tại xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- Chấp Nận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lê Bình Đ về chia tài sản chung với chị Nguyễn Kim H là quyền sử dụng đất diện tích 7.891,1m² tọa lạc tại xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- Giao diện tích 7.891,1m² (có 1.462,3m² nằm trong Vườn quốc gia tọa lạc tại xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang có hình BCDEFG, các cạnh theo biên bản xem xét thẩm định do Tòa án lập ngày 18/8/2017 và sơ đồ trích đo hiện trạng do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P ra bản vẽ ngày 26/12/2017 cho chị Nguyễn Kim H quản lý, sử dụng.

Chị Nguyễn Kim H thôi lại cho anh Lê Bình Đ 1/2 giá trị quyền sử dụng đất và cây trồng trên diện tích 7.891,1m² tọa lạc tại xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang theo chứng thư định giá số Vc 18/01/03/CT-TVAP ngày 03/01/2018 của Công ty TNHH định giá TV là 3.203.209.200 đồng (Ba tỷ hai trăm lẻ ba triệu hai trăm lẻ chín ngàn hai trăm đồng).

- Chấp Nận yêu cầu độc lập của NLQ1 và NLQ2 về đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất diện tích 14.406,7m² tại xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang thuộc quyền sử dụng đất ông bà.

Tạm giao phần đất 14.362, 5m² và cây trồng trên đất tại xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang có hình ABGHIJK theo biên bản xem xét thẩm định do Tòa án lập

ngày 18/8/2017 và sơ đồ trích đo hiện trạng do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P ra bản vẽ ngày 26/12/2017 cho vợ chồng NLQ1 quản lý, sử dụng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí định giá, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí, lãi suất chậm trả và bảo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* *Sau khi xét xử sơ thẩm*, ngày 05 và 11/6/2018 anh Lê Bình Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh yêu cầu chia đôi tổng diện tích 22.253,7m² là tài sản chung của vợ chồng. Vì Tòa án cấp sơ thẩm chấp Nận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đ đối với diện tích 7.891,1m² và nhận định diện tích 14.362,5m² tại xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang là của cha mẹ vợ là NLQ1 và NLQ2 cho vợ anh là chị Nguyễn Kim H trước thời kỳ hôn nhân và tạm giao cho vợ chồng ông S quản lý, sử dụng là không có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, giữ nguyên nội dung kháng cáo và yêu cầu Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chia diện tích đất 14.362,5m² tại xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang là tài sản chung của vợ chồng.

Phía bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang có ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của anh Đ, Hội đồng xét xử xét về nguồn gốc đất tổng diện tích 22.253,7m² tọa lạc tại xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang, trong đó có diện tích 7.891,1m² các bên thừa nhận là của vợ chồng ông Đ bà H khai khẩn, diện tích còn lại 14.362,5m² các bên tranh chấp và có lời trình bày khác nhau, nhưng căn cứ theo chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự đều thừa nhận phần diện tích 12.440,2m² theo bản kê khai của người sử dụng đất ngày 10/9/2004 do anh Đ ký tên thể hiện việc cha mẹ của chị H chuyển nhượng của ông S và cho lại chị H. Trên phần đất nêu trên vợ chồng anh Đ, chị H đã cất nhà ở và khai khẩn thêm phần đất sau hậu. Phía anh Đ trình bày vợ chồng anh đã rào kẽm gai và trồng nhiều loại cây ăn trái trên phần đất tranh chấp, còn chị H trình bày là cha chị cùng rào đất với anh Đ còn cây trồng là do cha mẹ chị trồng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ vấn đề này ?. Theo đo đạc thực tế diện tích đất tranh chấp 14.362,5m² so với kết quả đo đạc đăng ký kê khai diện tích đất của chị

H và anh Đ trước đây 12.440,2m², thì tăng diện tích đất 1.922,3m² các bên có lời khai khác nhau về người khai khẩn thêm là anh Đ hay cha chị H, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ.

[2] Phần đất các bên tranh chấp trong đó có đất rừng vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không có văn bản trao đổi với Ủy ban nhân dân có thẩm quyền về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm rõ nhiều vấn đề các bên khai chưa thống nhất và xác định phần đất tranh chấp có nằm trong quy hoạch không, có được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không?... Mặc khác, theo bà Quan trọng bày phần đất của hộ gia đình bà do vượt quá hạn điền nên trước khi chị H lấy chồng bà đã cho chị H kê khai phần đất hiện các bên tranh chấp, nay bà thừa nhận phần đất hộ gia đình bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên 30.000m² và có yêu cầu độc lập lấy lại đất và Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp Nhận, mà không làm rõ việc tạm giao phần đất tranh chấp cho vợ chồng bà Q có phù hợp pháp luật đất đai hay không?.

[3] Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm phía anh Đ cung cấp sơ đồ địa chính thể hiện diện tích đất của chị H chỉ có 6.658,7m², trong khi chị H cung cấp bản sơ đồ địa chính thể hiện diện tích đất của chị là 12.440,2m², vấn đề này Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ làm rõ, về mặt thực tế vợ chồng chị H đã cất nhà và rào kẽm gai phần đất các bên hiện nay đang tranh chấp, phía vợ chồng ông S, bà Q là cha mẹ của chị H thừa nhận biết việc này, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chấp Nhận yêu cầu đòi lại đất của vợ chồng ông S, bà Q mà không xem xét đến Án lệ số 03/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

[4] Xét về phần tài sản chung sau khi ly hôn, Tòa án cấp sơ thẩm xác minh, thu thập chứng cứ không đầy đủ, mà tại giai đoạn xét xử phúc thẩm không thể khắc phục, bổ sung được, cho nên, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp Nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc hủy bản sơ thẩm và giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

Án phí dân sự phúc thẩm, anh Đ không phải chịu do Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho anh Đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/HNGĐ-ST ngày 22/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm lại vụ án theo thủ tục chung.

Phía anh Đ không phải nộp án phí phúc thẩm, hoàn trả lại cho anh Lê Bình Đ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do chị Nguyễn Thanh H nộp thay theo biên lai thu tiền số 0003205 ngày 20/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện P;
- THA dân sự huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Lâm Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM		
Thẩm phán	Thẩm phán	Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Út Mẫn

Trần Bình Đảo

Lê Lâm Sơn

